

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 582/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v tranh chấp : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thu An

2. Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Huỳnh Bảo T, sinh năm 1984

Thường trú: 24 Trần Đình Xu, phường C, Quận M, Tp. H

Tạm trú: 28/10/5 Mai Văn Ngọc, Phường M1, quận P, Tp.H. (*vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.*)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Duy N, sinh năm 1984

Thường trú: 24 Trần Đình Xu, phường C, Quận M, Tp. H

Tạm trú: 28/10/5 Mai Văn Ngọc, Phường M1, quận P, Tp.H. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các biên bản tiếp theo sau đó, bà Hồ Huỳnh Bảo T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông và ông Phạm D Niên tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận M, Tp. H (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2011, quyển số 01/2011 ngày 23/9/2011). Quá trình chung sống không hạnh phúc do ông Phạm Duy N thường xuyên say sấn về nhà chửi mắng vợ con. Tình trạng này kéo dài từ năm 2014 đến nay, ngày càng trầm trọng. Do không hòa hợp được trong cuộc sống nên từ năm 2014 đến nay vợ chồng tôi tự ly thân, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng nữa mặc dù cả hai cùng sống chung nhà. Cũng từ khoảng thời gian đó đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm ai. Do mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra vào đêm khuya và chỉ trong khuôn viên nhà, không làm ảnh hưởng đến các nhà xung quanh nên địa phương không biết. Tuy nhiên, đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không thể chung sống với nhau

được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Duy N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông Phạm Duy N chung sống với nhau có 01 con chung tên Phạm Hồ Bảo N, sinh ngày 09/02/2013. Quá trình xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014 đến nay con chung là do một mình bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Duy N không quan tâm, không hỗ trợ gì cho bà trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phạm Duy N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Phạm Duy N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Phạm Duy N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai, tài liệu, chứng cứ do ông N cung cấp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tổ chức hòa giải đoàn tụ và các vấn đề có liên quan. Tại các buổi hòa giải bà T cương quyết ly hôn, ông N vắng mặt, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà – Hồ Huỳnh Bảo T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ các ý kiến, yêu cầu như trên; Ông Phạm Duy N vắng mặt, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Bà Hồ Huỳnh Bảo T và ông Phạm Duy N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Bà T cương quyết xin được ly hôn với ông N, ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, không rõ ý kiến và yêu cầu của ông N. Tuy nhiên, căn cứ lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện ông, bà chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cương quyết xin được ly hôn; ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham gia các buổi hòa giải đoàn tụ. Do đó, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Huỳnh Bảo T cho bà Hồ Huỳnh Bảo T được ly hôn với ông Phạm Duy N; về con chung: giao con chung tên Phạm Hồ Bảo N, sinh ngày 09/02/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Hồ Huỳnh Bảo T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí LHST: Bà Hồ Huỳnh Bảo T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Hồ Huỳnh Bảo T đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Hồ Huỳnh Bảo T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến yêu cầu đã trình bày; ông Phạm Duy N vắng mặt lần thứ hai, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà Hồ Huỳnh Bảo T và ông Phạm Duy N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận M, Thành phố H (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2011, quyền số 01/2011 ngày 23/9/2011) được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà T và ông N có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Ông, bà đã tự ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Qua các lần triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng, bà T cương quyết ly hôn, ông N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai và yêu cầu tại Tòa. Điều này thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, Điều 53 và các Điều 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Huỳnh Bảo T cho bà được ly hôn với ông Phạm Duy N

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của các đương sự và bản sao giấy khai sinh có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: bà T và ông N có 01 con chung tên Phạm Hồ Bảo N, sinh ngày 09/02/2013, hiện nay con chung đang ở với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông N không rõ ý kiến và yêu cầu. Tuy nhiên, căn cứ lời khai nhận của bà T, nguyện vọng con chung và kết quả xác minh tại địa phương, xét thấy, con chung đang ở ổn định với bà T, các ý kiến và yêu cầu của các bên về người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà T là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung cũng như tạo điều kiện cho con chung phát triển về mọi mặt cần tiếp tục giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng; Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Hồ Huỳnh Bảo T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông N không có lời khai, yêu cầu gì về tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Hồ Huỳnh Bảo T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0019846 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Bà Hồ Huỳnh Bảo T đã nộp đủ án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53 và các Điều 54, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Huỳnh Bảo T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Huỳnh Bảo T được ly hôn với ông Phạm Duy N (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2011, quyền số 01/2011 ngày 23/9/2011) do Ủy ban nhân dân phường C, Quận M, Thành phố H).

- Về con chung: Bà Hồ Huỳnh Bảo T và ông Phạm Duy N có 01 con chung tên Phạm Hồ Bảo N, sinh ngày 09/02/2013.

Giao con chung cho bà Hồ Huỳnh Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ông Phạm Duy N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hồ Huỳnh Bảo T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0019846 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Bà Hồ Huỳnh Bảo T đã nộp đủ án phí.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- UBND phường C, Quận M, Tp. H;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo